

THỜI HẠN BẢO VỆ BMNN
Từ: Ngày 23/01/2026 đến 28/01/2026

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
THANH TRA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 181 /KL-TTR

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 7 năm 2026

MẬT

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc thực hiện pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước và các khoản đóng góp; việc thực hiện chế độ chính sách đối với giáo viên, học sinh và mua sắm, sử dụng tài sản công tại Trường Trung học cơ sở Phạm Kiệt, xã Trường Giang

Thực hiện Quyết định số 71/QĐ-TTR ngày 26/02/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh thanh tra thực hiện pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước và các khoản đóng góp; việc thực hiện chế độ chính sách đối với giáo viên, học sinh và mua sắm, sử dụng tài sản công tại Trường THCS Phạm Kiệt. Từ ngày 11/3/2026-20/4/2026 Đoàn Thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Trường THCS Phạm Kiệt, xã Trường Giang, tỉnh Quảng Ngãi.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 12/BC-ĐTT ngày 18/5/2026 của Trưởng Đoàn thanh tra, Báo cáo thẩm định số 37/BC-TTĐ ngày 06/7/2026 của Tổ thẩm định, Chánh Thanh tra tỉnh kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

- Trường THCS Phạm Kiệt được thành lập tại Quyết định số 1532/QĐ-UBND ngày 19/8/2010 của UBND huyện Sơn Tịnh (trước đây) trên cơ sở đổi tên từ Trường Trung học cơ sở Tịnh Minh, địa chỉ hiện tại: thôn Minh Khánh, xã Trường Giang, tỉnh Quảng Ngãi. Đơn vị là cơ sở giáo dục công lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; tổ chức hoạt động giáo dục THCS theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, bảo đảm học sinh phát triển toàn diện về phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu của cấp học trung học cơ sở được nhà nước đảm bảo kinh phí chi hoạt động. Từ ngày 01/7/2025, Trường thuộc UBND xã Trường Giang quản lý theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

- Về tổ chức bộ máy, đội ngũ:

+ Tổng số cán bộ, viên chức và người lao động của trường được phê duyệt năm 2024 là 22 biên chế. Biên chế có mặt đến thời điểm 31/12/2024 là 21 biên chế, gồm: Hiệu trưởng, 01 Phó Hiệu trưởng, 17 giáo viên, 01 kế toán kiêm văn thư và 01 thư viện kiêm thủ quỹ. Hợp đồng lao động 01 bảo vệ.

+ Tổng số cán bộ, viên chức và người lao động của trường được phê duyệt đầu năm 2025 là 21 biên chế đến tháng 6/2025 biên chế được giao 22 biên chế. Biên chế có mặt đến thời điểm 31/12/2025 là 22 biên chế, trong đó: 01 Hiệu trưởng, 01 Phó Hiệu trưởng, 18 giáo viên, 01 kế toán kiêm văn thư và 01 thư viện kiêm thủ quỹ. Hợp đồng lao động 01 bảo vệ.

- Về quy mô trường lớp, học sinh: Năm học 2024-2025 có 08 lớp với 218 học sinh. Năm học 2025-2026 có 08 lớp với 238 học sinh.

- Tình hình cơ sở vật chất của Nhà trường: Trường có 14 phòng học, dãy hiệu bộ gồm 08 phòng làm việc (01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 phòng kế toán, 01 phòng thư viện, 01 phòng y tế, 01 phòng truyền thống, 01 phòng hội đồng, 01 phòng đội).

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA XÁC MINH

1. Việc lập dự toán ngân sách, xây dựng định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Cuối Quý III hằng năm của năm trước, phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Sơn Tịnh (trước đây) hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thụ hưởng ngân sách nhà nước trên địa bàn triển khai lập dự toán, đăng ký kế hoạch quỹ tiền lương cho năm sau, để phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục hằng năm. Trên cơ sở chỉ tiêu biên chế, số lượng học sinh và các nhiệm vụ trọng tâm của năm học, Trường lập dự toán kinh phí thu chi ngân sách gửi phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, phòng Tài chính - Kế hoạch huyện xét duyệt và được UBND huyện Sơn Tịnh (trước đây) phê duyệt và phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục hằng năm¹. Từ ngày 01/7/2025, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, Trường xây dựng dự toán ngân sách nhà nước trong 6 tháng cuối năm 2025 và được UBND xã Trường Giang phê duyệt giao dự toán thu ngân sách nhà nước và chi ngân sách địa phương năm 2025².

- Sau khi có quyết định phê duyệt dự toán kinh phí, Trường tổ chức cuộc họp Hội đồng sư phạm, phối hợp với Công đoàn cơ sở để thông qua dự toán ngân sách đầu năm, niêm yết trên bảng công khai tại Nhà trường và trên Trang thông tin điện tử của Trường; tiến hành Hội nghị CBCCVC và người lao động để thông qua quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý, sử dụng tài sản công. Hiệu trưởng đã ban hành các Quyết định: số 01/QĐ-THCS ngày 02/01/2024 về

¹ Năm 2024: Các văn bản số: 7500/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 về việc giao dự toán ngân sách cho các Trường Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn huyện năm 2024; 516/QĐ-UBND ngày 01/4/2024 về việc phân bổ kinh phí thực hiện chuyển xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập theo Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023; 1651/UBND-KT ngày 31/7/2024 về việc bổ sung kinh phí tiền lương do giáo viên chuyển đến, nâng lương và giảm dự toán của các trường Mầm non, Tiểu học và THCS trên địa bàn huyện đợt 1 năm 2024; 2578/QĐ-UBND ngày 25/11/2024 về việc phân bổ kinh phí thực hiện chuyển xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập theo Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (đợt 2); số 2929/UBND-KT ngày 24/12/2024 về việc bổ sung kinh phí tiền lương do giáo viên chuyển đến, nâng lương và giảm dự toán của trường Mầm non, Tiểu học THCS trên địa bàn huyện đợt 2 năm 2024; 2785/UBND-KT ngày 10/12/2024 v/v phân bổ kinh phí thực hiện chế độ chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; 1284/UBND-KT ngày 19/6/2024 về việc phân bổ kinh phí thực hiện chi trả học bổng cho người khuyết tật học kỳ II năm học 2023-2024; 897/UBND-KT ngày 09/5/2024 về việc thống nhất chủ trương mua sắm tài sản, trang thiết bị và sửa chữa các hạng mục tại các trường học thuộc huyện; 2286/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 về việc phân khai kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 73.

Năm 2025: Các văn bản số: 3135/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 về việc giao dự toán ngân sách cho các Trường Mầm non, Tiểu học và THCS trên địa bàn huyện năm 2025; 1277/QĐ-UBND ngày 28/5/2025 về việc phân bổ kinh phí mua sắm hệ thống thiết bị âm thanh phục vụ hoạt động của các trường Mầm non, Tiểu học và THCS trên địa bàn huyện; 1174/UBND-KT ngày 02/6/2025 về việc phân bổ kinh phí thực hiện chế độ chính sách hỗ trợ chi phí học tập và cấp bù học phí.

² Các quyết định số: 452/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2025 xã Trường Giang; 1293/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 về việc phân bổ kinh phí tiền lương năm 2025; 1357/QĐ-UBND ngày 27/12/2025 về việc phân bổ kinh phí tiền thưởng năm 2025; 1199/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 về việc phân bổ kinh phí thực hiện các chính sách theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, Nghị định số 328/2025/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTB&XH-BTC và Nghị quyết số 32/2021/NQ-HĐND học kỳ I năm học 2025-2026.

quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024, số 01a/QĐ-THCS ngày 03/01/2024 về quy chế quản lý và sử dụng tài sản công năm 2024, số 01/QĐ-THCS ngày 02/01/2025 về quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025, số 03a/QĐ-THCS ngày 10/01/2025 về quy chế quản lý và sử dụng tài sản công năm 2025.

Qua kiểm tra cho thấy: Đơn vị thực hiện xây dựng dự toán kịp thời đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý sử dụng tài sản công cơ bản đảm bảo Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định 111/2025/NĐ-CP ngày 25/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi (cũ). Tuy nhiên, khi Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị có hiệu lực thi hành từ ngày 24/10/2025 Trường chưa kịp thời ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ mới áp dụng các định mức theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 nêu trên.

2. Việc chấp hành quy định của pháp luật về thu - chi ngân sách nhà nước và các khoản đóng góp

ĐVT: Đồng

Stt	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
1	Tổng kinh phí ngân sách nhà nước cấp	4.610.800.951	5.580.854.070	
1.1	Tự chủ	4.330.633.471	5.059.424.511	
1.2	Không tự chủ	280.167.480	521.429.559	
2	Tổng chi ngân sách nhà nước	4.608.305.951	5.580.799.551	
2.1	Tự chủ	4.328.138.471	5.059.424.511	
2.2	Không tự chủ	280.167.480	521.375.000	
3	Kinh phí cắt giảm 5% chi thường xuyên trong năm/hủy dự toán	2.495.000	54.559	
4	Nguồn học phí			
4.1	Thu	100.850.000	96.675.000	
4.2	Chi	98.150.000	58.005.000	
4.3	Kinh phí còn lại	2.700.000	38.670.000	

Qua kiểm tra chứng từ, hồ sơ, sổ sách kế toán do đơn vị cung cấp cho thấy:

- Đơn vị lập cơ bản đầy đủ các loại sổ sách như sổ quỹ tiền mặt, sổ cái, sổ chi tiết các hoạt động, sổ theo dõi tài sản cố định, báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp và đã phản ánh được hoạt động tài chính của Trường; việc lập chứng từ kế toán Trường thực hiện cơ bản đảm bảo theo quy định của Luật Kế toán, Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và theo quy chế chi tiêu nội bộ đã ban hành, theo đó đa số các khoản chi được thực hiện cơ bản đúng mục đích, theo chế độ quy định, phản ánh được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; thực hiện tài chính hiệu quả, tiết kiệm, cuối năm tạo thu nhập tăng thêm cho cán bộ, giáo viên, người lao động của Trường.

- Trường được Chủ tịch UBND huyện Sơn Tịnh (trước đây) có Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 về việc phê duyệt phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2022-2025 của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện, theo đó Trường do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc nhóm 4. Trên cơ sở đó Trường thực hiện cơ chế tự chủ trong quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thu, chi theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 25/5/2025 của Chính phủ, các khoản thu chi được hạch toán rõ ràng, công khai, minh bạch; thực hiện tự kiểm tra thường xuyên mọi hoạt động khi có phát sinh các nghiệp vụ kinh tế, tài chính và ban hành kế hoạch tự kiểm tra tài chính, kế toán³ đối với việc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

- Trường thực hiện mức thu học phí 50.000 đồng/tháng/học sinh là đảm bảo theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cũ) số 28/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập từ năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh và số 30/2024/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập từ năm học 2024-2025 trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên vẫn còn sai sót như sau:

- Trường thanh toán tiền trực lễ, tết chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Bộ Luật Lao động năm 2019, cụ thể:

³ Số 03/KH-THCS ngày 20/01/2024 tự kiểm tra tài chính, kế toán năm 2024; số 05/KH-THCS ngày 10/01/2025 tự kiểm tra tài chính, kế toán năm 2024.

(1) Chứng từ số 18/NS ngày 04/3/2024 thanh toán tiền trực Tết Nguyên đán cho 07 cá nhân vượt mức tỷ lệ % với tổng số tiền 3.549.043 đồng.

(2) Chứng từ số 33/NS ngày 06/5/2024 thanh toán tiền làm thêm giờ, trực lễ giỗ tổ Hùng Vương, ngày 30/4, 1/5 cho 03 cá nhân vượt mức tỷ lệ % với tổng số tiền 841.669 đồng.

(3) Chứng từ số 15/NS ngày 25/02/2025 thanh toán tiền trực tết dương lịch và tết Nguyên đán cho 10 cá nhân vượt mức tỷ lệ % với tổng số tiền 2.546.399 đồng.

(Cụ thể có phụ biểu số 01 kèm theo)

- Một số chứng từ còn thiếu sót⁴ (hóa đơn bán hàng người mua hàng chưa ký và ghi rõ họ tên; thiếu giấy đề xuất, giấy đề nghị thanh toán, bản báo giá, biên bản thanh lý hợp đồng không ghi ngày, tháng, năm) là chưa đảm bảo theo Điều 16 Luật Kế toán năm 2015.

3. Về chế độ chính sách giáo viên

ĐVT: Đồng

Stt	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
1	Chi lương ngạch bậc	2.244.253.322	2.619.726.880	
2	Phụ cấp theo lương	1.144.498.735	1.003.967.091	
3	Các khoản đóng góp	618.221.244	734.340.479	
4	Thu nhập tăng thêm	21.666.000	27.452.592	
5	Tiền thưởng theo Nghị định số 73	123.720.480	266.287.000	

Ngoài ra, Trường thực hiện chi trực lễ, tết, công tác phí.

- Qua kiểm tra hồ sơ, chứng từ chi các chế độ cho giáo viên, thấy: Các chế độ chính sách cho giáo viên được Nhà trường thực hiện chi trả cơ bản đảm bảo đầy đủ quyền lợi như tiền lương, tiền công, phụ cấp ưu đãi và các chế độ khác, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, khen thưởng theo quy định tại Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo, Thông tư liên tịch 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ

⁴ Chứng từ số 28/NS ngày 23/4/2024 chuyển tiền mua văn phòng phẩm thiếu báo giá, giấy đề nghị thanh toán; chứng từ số 52NS ngày 16/7/2024 hóa đơn người mua hàng chưa ký, thiếu giấy đề nghị thanh toán; chứng từ số 105NS ngày 25/12/2024 thiếu giấy đề nghị thanh toán, thiếu giấy đề xuất; chứng từ số 27NS ngày 16/4/2024 thiếu giấy đề nghị thanh toán, thiếu bản báo giá, thiếu đánh giá hiện trạng; chứng từ số 47NS ngày 28/5/2025 thiếu giấy đề xuất, thiếu bản báo giá; chứng từ số 59NS ngày 27/6/2025 thiếu giấy đề nghị thanh toán, hóa đơn người mua hàng chưa ký.

Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập.

- Qua xác minh thực tế cho thấy giáo viên được nhận đầy đủ các chế độ chính sách do Nhà trường chi trả; không có giáo viên khiếu kiện, khiếu nại.

- Qua kiểm tra về định mức tiết dạy của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng cho thấy việc bố trí cán bộ lãnh đạo quản lý tham gia giảng dạy cơ bản đảm bảo về định mức tiết dạy theo quy định tại khoản 6⁵ Điều 1 Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009.

Tuy nhiên, trong năm học 2024-2025 Phó Hiệu trưởng Nhà trường chưa tham gia giảng dạy đầy đủ số tiết theo định mức quy định đối với tháng 10-11/2024 (*chỉ dạy môn Giáo dục địa phương 2 tiết/tuần; không dạy môn Mỹ Thuật 2 tiết/tuần*) theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009; do đó, chưa đảm bảo quy định để hưởng phụ cấp ưu đãi 02 tháng (*tháng 10-11/2024*) theo quy định tại điểm b khoản 1 Mục II Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính với tổng số tiền 7.342.920 đồng tại chứng từ số 71NS ngày 02/10/2024 và chứng từ số 77NS ngày 04/11/2024.

4. Về chế độ chính sách cho học sinh

ĐVT: Đồng

Stt	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
1	Hỗ trợ chi phí học tập	4.050.000	4.650.000	
2	Cấp bù miễn học phí cho học sinh khuyết tật và giảm học phí cho học sinh thuộc diện hộ cận nghèo	4.325.000	1.500.000	

Việc thực hiện hỗ trợ chi phí học tập đảm bảo đối tượng, định mức quy định tại khoản 2 Điều 18; khoản 10 Điều 20 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và cấp bù miễn giảm học phí đảm bảo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và định mức cấp bù học phí

⁵ Định mức tiết dạy/năm đối với phó hiệu trưởng được tính bằng: 4 tiết/tuần x số tuần dành cho giảng dạy và các hoạt động giáo dục theo quy định về kế hoạch thời gian năm học.

theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 28/2023/NQ-HĐND; Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Qua làm việc với 03 phụ huynh học sinh khuyết tật, được hưởng chế độ đều xác nhận: qua các năm học Nhà trường đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các cháu, hướng dẫn lập hồ sơ và cấp chế độ hỗ trợ chi phí học tập đầy đủ cho các cháu học sinh đảm bảo đúng quy định của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ về quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Ngoài ra, thực hiện văn bản của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 1610/SGDĐT-GDTrH ngày 18/10/2019 về việc hướng dẫn dạy học 02 buổi/ngày đối với các trường trung học, Công văn số 649/PGDĐT-THCS ngày 21/10/2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Sơn Tịnh (trước đây) về việc hướng dẫn thực hiện dạy học 02 buổi/ngày đối với các trường trung học. Trường thực hiện dạy 02 buổi/ngày năm 2024 như sau:

- Tổng thu: 238.200.000 đồng (*học kỳ II năm học 2023-2024: 100.800.000 đồng, học kỳ I năm học 2024-2025: 137.400.000 đồng*)
- Tổng chi: 214.380.000 đồng (*học kỳ II năm học 2023-2024: 90.720.000 đồng, học kỳ I năm học 2024-2025: 123.660.000 đồng*)
- Tồn: 23.820.000 đồng.

Qua kiểm tra cho thấy: Việc triển khai dạy 02 buổi/ngày được sự thỏa thuận với Ban Đại diện cha mẹ học sinh, theo đó có thỏa thuận mức thu phí, hình thức thu và nội dung chi. Trường ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện dạy 02 buổi/ngày, ban hành Quy chế chi tiền dạy 02 buổi/ngày tại Quyết định số 03/QĐ-THCS ngày 05/01/2024; tổ chức thu-chi theo học kỳ của năm học, có sổ quỹ tiền mặt để theo dõi. Tuy nhiên, Trường không tổng hợp kinh phí thu - chi tiền mặt vào báo cáo tài chính năm 2024 là chưa đảm bảo thể hiện các dòng tiền từ hoạt động của đơn vị để lập báo cáo tài chính theo quy định Điều 7 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5. Về kinh phí Ban Đại diện cha mẹ học sinh: Không phát sinh

6. Về mua sắm, sử dụng tài sản công

6.1. Năm 2024: tổng số tiền 143.672.000 đồng, cụ thể:

- Mua sách tham khảo: 15.743.000 đồng;

- Mua sắm tài sản: 97.829.000 đồng, trong đó: chi phí thẩm định giá: 4.400.000 đồng⁶, mua sắm tài sản, thiết bị: 93.429.000 đồng (gồm: *Bảng niêm yết công khai, Bảng khẩu hiệu tuyên truyền, Bảng nội quy phòng thư viện, Pa nô tuyên truyền, Bình chữa cháy, Micro, Loa Paramax, Mái hiên di động, Kệ trưng bày thư viện, Vợt bóng bàn, Sơ đồ tổng thể nhà trường, Phong màn có lá cờ đỏ, Rèm cửa khung nhôm*)⁷.

- Mua sắm thiết bị dạy và học: 34.500.000 đồng (gồm: *thiết bị trợ giảng (loa, tai nghe, micro), bộ trống đội, đồ nghi lễ, bàn bóng bàn, bóng rổ, lưới cầu lông, đá cầu, đèn chiếu sáng*)⁸.

6.2. Năm 2025: tổng số tiền 240.938.000 đồng

- Mua sắm tài sản, trang thiết bị dạy học, số tiền: 150.938.000 đồng, trong đó: chi phí thẩm định giá: 4.000.000 đồng⁹; mua sắm tài sản, thiết bị: 146.938.000 đồng¹⁰, gồm: bàn thí nghiệm môn lý công nghệ, hóa sinh; bộ nguồn 30A, Tivi LG 65 inch model LG65UA7350PSB, bảng cố định phòng học, quạt đảo trần SENKO, hệ thống mạng phòng Tin học¹¹.

- Mua sắm hệ thống thiết bị âm thanh¹², số tiền: 90.000.000 đồng, gồm: dàn Mixer, Bộ Equalizer, cục đẩy công suất, loa công suất lớn thùng đứng, bộ phát nhận tín hiệu, micro không dây, tủ đựng thiết bị, loa công suất di động.

Qua kiểm tra, thấy: Trường mở sổ theo dõi tài sản quản lý tài sản theo quy định tại Mẫu số S24-H ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính, hàng năm tiến hành kiểm kê, đánh giá lại tài sản và báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công cho cấp trên¹³. Việc mua sắm tài sản được thực hiện cơ bản đảm bảo theo quy định tại Luật Đấu thầu năm 2023, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 quy định chi tiết một số

⁶ Nhà trường hợp đồng dịch vụ thẩm định giá tài sản với Chi nhánh Quảng Ngãi – Công ty cổ phần thẩm định giá Việt Tín (địa chỉ: số 279 Trần Quang Khải, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi); Hợp đồng kinh tế số 242212/HĐTĐG-CNQN.VIETTIN JSC ngày 15/7/2024; Chứng thư thẩm định giá: Số 040/2024/219C.CNQN ngày 19/7/2024; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số 242212/BBNTTL-CNQN.VIETTIN JSC ngày 16/11/2024.

⁷ Nhà trường hiện việc mua sắm theo hình thức chỉ định thầu. Hợp đồng kinh tế với Trung tâm thiết bị Tin Phát (P.Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi): Hợp đồng kinh tế số 22a/HĐKT-2024 ngày 05/10/2024; Biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa và đưa vào sử dụng số 22a/BBNT-2024 ngày 15/10/2024; Biên bản thanh lý hợp đồng số 22a/BBTL-2024 ngày 15/10/2024.

⁸ Nhà trường hiện việc mua sắm theo hình thức chỉ định thầu. Hợp đồng kinh tế với Trung tâm thiết bị Tin Phát (P.Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi): Hợp đồng kinh tế số 22b/HĐKT-2024 ngày 21/10/2024; Biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa và đưa vào sử dụng số 22b/BBNT-2024 ngày 31/10/2024; Biên bản thanh lý hợp đồng số 22b/BBTL-2024 ngày 31/10/2024.

⁹ Nhà trường đã hợp đồng dịch vụ thẩm định giá tài sản với Chi nhánh Quảng Ngãi – Công ty cổ phần thẩm định giá Việt Tín (địa chỉ: số 279 Trần Quang Khải, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi): Hợp đồng cung cấp dịch vụ thẩm định giá tài sản: Số 252190.1/HĐTĐG-CNQN.VIETTIN JSC ngày 17/10/2025; Biên bản xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành ngày 14/11/2025; Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng ngày 14/11/2025. Chứng thư thẩm định giá: Số 040/2025/220.CNQN ngày 20/10/2025.

¹⁰ Thực hiện Quyết định số 452/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của UBND xã Trường Giang về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước và chi ngân sách nhà nước địa phương năm 2025; Công văn số 582/UBND-KT ngày 13/10/2025 về việc thống nhất chủ trương mua sắm, sửa chữa tài sản công tại các Trường học thuộc UBND xã Trường Giang. Ngày 09/12/2025, Trường THCS Trường Giang có Tờ trình số 93/TTr-THCS ngày 09/12/2025 về việc xin phê duyệt mua sắm thiết bị dạy và học, được UBND xã Trường Giang phê duyệt dự toán.

¹¹ Nhà trường hiện việc mua sắm theo hình thức chỉ định thầu. Hợp đồng kinh tế với Trung tâm thiết bị Tin Phát (P.Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi): Hợp đồng kinh tế số 041/2025/HĐKT ngày 25/12/2025 ; Biên bản nghiệm thu, bàn giao và thanh lý hợp đồng số 041/BBNT-TLHD ngày 29/12/2025 ; Bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc hoàn thành, ghi ngày 29/12/2025.

¹² UBND huyện Sơn Tịnh (trước đây) thống nhất phân bổ kinh phí tại các quyết định: số 1172/QĐ-UBND ngày 10/6/2022, số 1277/QĐ-UBND ngày 28/5/2025 về việc phân bổ kinh phí mua sắm hệ thống thiết bị âm thanh phục vụ hoạt động dạy và học của các trường Mầm non, Tiểu học và THCS trên địa bàn huyện. Ban giám hiệu Nhà trường tổ chức họp xét duyệt thống nhất chọn nhà thầu: Điện tử - Vi tính Hồng Linh, địa chỉ: xã Tịnh Minh (nay là xã Trường Giang), tỉnh Quảng Ngãi và tiến hành hợp đồng kinh tế (Hợp đồng kinh tế số 77/2022/HĐKT ngày 21/9/2022; Phụ lục điều chỉnh hợp đồng số 77-01/2025/PLĐCHĐ ngày 29/5/2025) để mua sắm; nhà thầu đã thực hiện chuyển giao sản phẩm hàng hóa và tiến hành nghiệm thu, lắp đặt thiết bị chạy thử, thanh lý hợp đồng (Biên bản nghiệm thu, lắp đặt thiết bị chạy thử ngày 21/9/2022; Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành ngày 30/5/2025; Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 30/5/2025).

¹³ Báo cáo số: 08/BC-THCS ngày 03/2/2025 báo cáo năm 2024, 05/BC-THCS ngày 23/02/2026 báo cáo năm 2025.

điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. Tại thời điểm kiểm tra các sản phẩm đang quản lý sử dụng. Tuy nhiên, không công khai kết quả chỉ định thầu theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 78 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

7. Việc thực hiện ứng dụng công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt.

Nhà trường đã kịp thời ứng dụng phần mềm trong quản lý các lớp học; lập sổ điểm, học bạ, giáo án điện tử. Đã thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt đối với giáo viên và đã triển khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán thu học phí và các khoản thu theo quy định đối với phụ huynh học sinh đảm bảo theo Điều 28 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

8. Việc thực hiện công khai, minh bạch trong thu - chi tài chính, mua sắm, sửa chữa tại đơn vị

Trường ban hành các Quyết định: số 02/QĐ-THCS ngày 03/01/2024 công khai dự toán ngân sách năm 2024, số 01a/QĐ-THCS ngày 02/01/2025 công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, số 05/QĐ-THCS ngày 22/4/2025 công khai quyết toán ngân sách năm 2024; thực hiện niêm yết tại đơn vị và trên cổng thông tin điện tử của Trường; công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản công năm 2024, năm 2025 tại Quyết định số 06/QĐ-THCS ngày 05/02/2025 và số 03/QĐ-THCS ngày 05/01/2026.

Qua kiểm tra cho thấy: Trường thực hiện công khai tài chính cơ bản đảm bảo theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; công khai tình hình theo dõi tài sản công đảm bảo theo Điều 121, Điều 122 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Tuy nhiên, Trường chưa thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (*quý, 6 tháng, năm*) theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

III. KẾT LUẬN

1. Kết quả đạt được

- Trong năm 2024-2025, Trường thực hiện cơ bản đảm bảo quy định của pháp luật về: xây dựng dự toán, chấp hành dự toán, quyết toán kinh phí ngân sách; xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý sử dụng tài sản công, các chế độ, tiêu chuẩn, đảm bảo định mức; lập đầy đủ các loại sổ sách như sổ quỹ tiền mặt, sổ cái, sổ chi tiết các hoạt động, sổ theo dõi tài sản cố định, báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính; các chứng từ kế toán được lập phản ánh được các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, đảm bảo đủ các thông tin hạch toán kế toán và biểu mẫu theo quy định; thực hiện tài chính hiệu quả, tiết kiệm, cuối năm tạo thu nhập tăng thêm cho cán bộ, giáo viên, người lao động của Trường.

- Trường thực hiện cơ chế tự chủ trong quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thu, chi đảm bảo theo quy định; đã thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính, kế toán hàng năm đối với việc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; thực hiện mức thu học phí 50.000 đồng/tháng/học sinh đúng theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cũ).

- Các chế độ chính sách cho giáo viên, cho học sinh được Nhà Trường thực hiện đảm bảo quyền lợi, không phát sinh khiếu nại, khiếu kiện; đã kịp thời ứng dụng phần mềm trong quản lý các lớp học; lập sổ điểm, học bạ, giáo án điện tử; đã thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt đối với giáo viên và đã triển khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán thu học phí và các khoản thu theo quy định đối với phụ huynh học sinh đảm bảo theo Điều 28 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

- Trường thực hiện công khai dự toán ngân sách và công khai tài chính quyết toán, công khai tình hình sử dụng tài sản công trước Hội đồng nhà trường, tại Hội nghị CCVC và người lao động và công khai niêm yết tại Trường.

2. Những tồn tại, hạn chế

- Trường chưa kịp thời ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ mới áp dụng các định mức theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị có hiệu lực thi hành từ ngày 24/10/2025.

- Trường thanh toán tiền trực lễ, tết chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Bộ Luật Lao động năm 2019, cụ thể:

(1) Chứng từ số 18/NS ngày 04/3/2024 thanh toán tiền trực Tết Nguyên đán cho 07 cá nhân vượt mức tỷ lệ % với tổng số tiền 3.549.043 đồng.

(2) Chứng từ số 33/NS ngày 06/5/2024 thanh toán tiền làm thêm giờ, trực lễ giỗ tổ Hùng Vương, ngày 30/4, 1/5 cho 03 cá nhân vượt mức tỷ lệ % với tổng số tiền 841.669 đồng.

(3) Chứng từ số 15/NS ngày 25/02/2025 thanh toán tiền trực tết dương lịch và Tết Nguyên đán cho 10 cá nhân vượt mức tỷ lệ % với tổng số tiền 2.546.399 đồng.

- Một số chứng từ còn thiếu sót¹⁴ (hóa đơn bán hàng người mua hàng chưa ký và ghi rõ họ tên; thiếu giấy đề xuất, giấy đề nghị thanh toán, bản báo giá, biên bản thanh lý hợp đồng không ghi ngày, tháng, năm...) là chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 16 Luật Kế toán.

¹⁴ Chứng từ số 28/NS ngày 23/4/2024 chuyển tiền mua văn phòng phẩm thiếu báo giá, giấy đề nghị thanh toán; chứng từ số 52/NS ngày 16/7/2024 hóa đơn người mua hàng chưa ký, thiếu giấy đề nghị thanh toán; chứng từ số 105/NS ngày 25/12/2024 thiếu giấy đề nghị thanh toán, thiếu giấy đề xuất; chứng từ số 27/NS ngày 16/4/2024 thiếu giấy đề nghị thanh toán, thiếu bản báo giá, thiếu đánh giá hiện trạng; chứng từ số 47/NS ngày 28/5/2025 thiếu giấy đề xuất, thiếu bản báo giá; chứng từ số 59/NS ngày 27/6/2025 thiếu giấy đề nghị thanh toán, hóa đơn người mua hàng chưa ký.

- Trong năm học 2024-2025 Phó Hiệu trưởng Nhà trường không tham gia giảng dạy đầy đủ số tiết định mức đối với tháng 10-11/2024 theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009; do đó, chưa đảm bảo quy định để hưởng phụ cấp ưu đãi 02 tháng (*tháng 10-11/2024*) theo quy định tại điểm b khoản 1 Mục II Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính với tổng số tiền 7.342.920 đồng tại chứng từ số 71NS ngày 02/10/2024 và chứng từ số 77NS ngày 04/11/2024.

- Trong quá trình mua sắm tài sản công, Trường không công khai kết quả chỉ định thầu theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 78 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ.

- Trường không tổng hợp kinh phí thu - chi tiền mặt dạy 02 buổi/ngày vào báo cáo tài chính năm 2024 là chưa đảm bảo thể hiện các dòng tiền từ hoạt động của đơn vị để lập Báo cáo tài chính theo quy định Điều 7 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Trường chưa thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (*quý, 6 tháng, năm*) theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Nguyên nhân, trách nhiệm

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế nêu trên là Hiệu trưởng chưa nắm vững các quy định của pháp luật về công tác quản lý sử dụng ngân sách nhà nước, chưa kiểm tra chặt chẽ các chứng từ kế toán trước khi phê duyệt. Kế toán thực hiện việc tham mưu chưa chặt chẽ, chưa kịp thời, có nội dung chưa nắm vững các quy định của pháp luật về công tác quản lý sử dụng ngân sách nhà nước.

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm người đứng đầu, chủ tài khoản về những nội dung sai sót được nêu tại Kết luận thanh tra. Phó Hiệu trưởng chịu trách nhiệm đối với việc không tham gia giảng dạy đủ số tiết quy định. Kế toán chịu trách nhiệm trong công tác tham mưu lĩnh vực kế toán đã để xảy ra những nội dung sai sót được nêu tại Kết luận thanh tra.

IV. BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG: Không

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Về xử lý hành chính

Căn cứ các nội dung nêu trên, Chánh Thanh tra tỉnh kiến nghị:

a) Đề nghị Chủ tịch UBND xã Trường Giang chỉ đạo tổ chức kiểm điểm theo quy định và xử lý (*nếu đến mức phải xử lý*) đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu

trưởng Trường THCS Phạm Kiệt về những tồn tại, hạn chế, sai phạm đã chỉ ra tại Kết luận thanh tra.

b) Đề nghị Hiệu trưởng Trường THCS Phạm Kiệt

- Tổ chức kiểm điểm theo quy định đối với các cá nhân thuộc quyền quản lý có liên quan về những tồn tại, hạn chế, sai phạm đã chỉ ra tại Kết luận thanh tra.

- Kịp thời chấn chỉnh những sai sót trong quản lý thu - chi tài chính ngân sách hằng năm của Trường.

- Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ mới áp dụng các định mức theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị.

- Kiểm soát, chấn chỉnh việc giảng dạy của Phó Hiệu trưởng đảm bảo đủ định mức tiết dạy theo quy định tại Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học.

- Thực hiện công khai đầy đủ số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Về xử lý kinh tế: Thu hồi tổng số tiền 14.280.031 đồng¹⁵ của Trường THCS Phạm Kiệt nộp ngân sách Nhà nước vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh số 3949.0.1082449.00000, tại Kho bạc nhà nước Khu vực XV-Phòng Nghiệp vụ 2.

3. Tổ chức thực hiện

a) Đề nghị Hiệu trưởng Trường THCS Phạm Kiệt thực hiện xây dựng kế hoạch khắc phục các khuyết điểm và tổ chức thực hiện khi Kết luận thanh tra ban hành theo quy định tại Điều 54 Luật Thanh tra năm 2025 và báo cáo kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị (*kèm theo các hồ sơ, tài liệu minh chứng*) về Thanh tra tỉnh trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày công khai Kết luận thanh tra; đồng thời, niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở làm việc của đơn vị theo quy định.

b) Giao Chánh Văn phòng Thanh tra tỉnh thực hiện công khai Kết luận thanh tra trên Trang thông tin điện tử Thanh tra tỉnh theo quy định.

¹⁵ (1) Thanh toán tiền trực lễ, tết, làm thêm giờ chưa đảm bảo quy định tại 2 Điều 98 Bộ Luật Lao động năm 2019 với tổng số tiền 6.937.111 đồng tại các chứng từ số 18/NS ngày 04/3/2024, 33/NS ngày 06/5/2024, 15/NS ngày 25/02/2025. (2) Thanh toán phụ cấp ưu đãi chưa đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Mục II Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính đối với ông Lê Minh Đức, Phó Hiệu trưởng vào tháng 10/2024, tháng 11/2024 với tổng số tiền 7.342.920 đồng tại chứng từ số 71NS ngày 02/10/2024 và chứng từ số 77NS ngày 04/11/2024.

c) Trưởng phòng Nghiệp vụ 8 Thanh tra tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kết luận thanh tra theo đúng quy định./.

Nơi nhận: *Yd*

- Thanh tra Chính phủ;
 - Cục II-Thanh tra Chính phủ; } (báo cáo)
 - Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
 - Ban Nội chính Tỉnh ủy;
 - UBND xã Trường Giang;
 - Trường THCS Phạm Kiệt;
 - Chánh Thanh tra tỉnh;
 - Phó Chánh Thanh tra phụ trách NV1;
 - Văn phòng, phòng NV1, NV8;
 - Lưu VT, Hồ sơ ĐTTthnha (14b).
- *Tài liệu được phép sao, chụp theo quy định.

CHÁNH THANH TRA



Thái Văn Tường

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 181/KL-TTR ngày 23 tháng 7 năm 2026)



I. TỔNG HỢP VI PHẠM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ KINH TẾ

STT	Cơ quan/tổ chức/Đơn vị/ cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Tổng giá trị vi phạm		Kiến nghị xử lý								Ghi chú
			Tiền hoặc tài sản quy thành tiền (đồng)	Đất (m ²)	Kiến nghị thu hồi				Xuất toán	Giảm trừ quyết toán	Xử lý khác		
					Về ngân sách nhà nước		Về cơ quan, tổ chức, đơn vị (không phải NSNN)						
					Tiền (đồng)	Nhà, đất (m ²)	Tiền (đồng)	Đất (m ²)	Tiền (đồng)	Tiền (đồng)	Tiền (đồng)	Đất (m ²)	
1	Trường THCS Phạm Kiệt	Thanh toán trực lễ ngày 30/4-01/5 và trực giỗ tổ Hùng Vương ngày 10/3/2024 chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Bộ Luật Lao động năm 2019 tại Chứng từ số 33/NS ngày 06/5/2024	841.669		841.669	0	0	0	0	0	0	0	
2		Thanh toán trực Tết Nguyên đán năm 2024 chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Bộ Luật Lao động năm 2019 tại Chứng từ số 18/NS ngày 04/3/2024	3.549.043		3.549.043	0	0	0	0	0	0	0	
3		Thanh toán trực tết dương lịch và tết Nguyên Đán năm 2025 chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Bộ Luật Lao động năm 2019 tại Chứng từ số 15/NS ngày 25/02/2025	2.546.399		2.546.399	0	0	0	0	0	0	0	

4	Thanh toán phụ cấp ưu đãi cho ông Lê Minh Đức, Phó Hiệu trưởng Nhà trường chưa đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Mục II Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính trong 02 tháng 10-11/2024 tại chứng từ số 71/NS ngày 02/10/2024 và chứng từ số 77/NS ngày 04/11/2024.	7.342.920		7.342.920	0	0	0	0	0	0	0	
Tổng cộng		14.280.031		14.280.031	0	0	0	0	0	0	0	

II. TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM

STT	Tên tổ chức/ cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Kiến nghị xử lý trách nhiệm			Ghi chú
			Hành chính	Chuyển cơ quan công an	Chuyển cơ quan chức năng khác	
I	2	3	4	5	6	7
I	TỔ CHỨC					
II	CÁ NHÂN					
1	Ông Lê Văn Quang, Hiệu trưởng Trường THCS Phạm Kiệt	Chịu trách nhiệm người đứng đầu, chủ tài khoản về những nội dung vi phạm được nêu tại Kết luận thanh tra.	x	0	0	

2	Ông Lê Minh Đức, Phó Hiệu trưởng Trường THCS Phạm Kiệt	Chịu trách nhiệm chưa tham gia giảng dạy đầy đủ số tiết theo định mức quy định đối với tháng 10-11/2024 do đó chưa đảm bảo quy định để hưởng phụ cấp ưu đãi 02 tháng (tháng 10-11/2024) theo quy định tại điểm b khoản 1 Mục II Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính	x	0	0	
3	Ông Bùi Thanh Vinh, kế toán Trường THCS Phạm Kiệt	Chịu trách nhiệm trong công tác tham mưu lĩnh vực kế toán đã để xảy ra những nội dung vi phạm được nêu tại Kết luận thanh tra.	x	0	0	